

## **Khoa đào tạo dự bị các chuyên gia người nước ngoài**

Trường Đại học tổng hợp kĩ thuật quốc gia Volgagrat (ВолгГТУ) được thành lập vào năm 1930. Từ năm 1962 ở trường đã bắt đầu đào tạo các chuyên gia có trình độ chuyên môn cao người nước ngoài đối với các quốc gia thuộc Châu Âu, Châu Á, Châu Phi, các nước phương Đông và Châu Mỹ Latinh. Với tám bằng thạc sĩ khoa học, chuyên gia và cử nhân, gần 1500 sinh viên tốt nghiệp của trường đang làm việc trên hơn 70 quốc gia trên thế giới.

Vào năm 1973 khoa đào tạo dự bị dành cho các công dân nước ngoài đã được thành lập nhằm trang bị kiến thức cơ bản cho các quá trình đào tạo sau này tại các trường đại học ở Nga với các chuyên ngành kinh tế, kĩ sư và nhóm ngành xã hội và nhân văn.

Tùy thuộc vào các nhóm ngành đào tạo mà các sinh viên ở khoa đào tạo dự bị sẽ nghiên cứu các môn học cụ thể như sau:

- Nhóm kĩ sư: Tiếng Nga, Vật lý, Toán, Hóa học, Tin học, Đất nước học, Vẽ kĩ thuật.
- Nhóm kinh tế: Tiếng Nga, Vật lý, Toán, Tin học, Đất nước học, Kinh tế học, Địa lý
- Nhóm xã hội và nhân văn: Tiếng Nga, Văn học, Văn hóa học, Đất nước học, Địa lý.

Khoa có kí túc xá và thư viện nghiên cứu. Những sinh viên tốt nghiệp của khoa sau khi đã hoàn thành toàn bộ chương trình đào tạo dự bị có thể tiếp tục theo học ở trường Đại học tổng hợp kĩ thuật quốc gia Volgagrat hoặc các trường khác trong toàn Liên Bang Nga.

Trường đại học gồm có 7 khoa :

- Điện tử và kĩ thuật máy tính
- Công nghệ hóa học
- Công nghệ vật liệu cấu trúc
- Kĩ thuật chế tạo máy móc
- Ô tô và máy kéo
- Kinh tế và quản lý
- Giao thông vận tải

Sinh viên tốt nghiệp khoa đào tạo dự bị được quyền theo học chương trình đào tạo cử nhân (hệ 4 năm) và sau khi kết thúc có thể tiếp tục chương trình đào tạo thạc sĩ (hệ 2 năm) hoặc kĩ sư chuyên gia (hệ 1-1,5 năm). Chương trình đào tạo gồm các mã ngành và ngành như sau :

### **I.Đào tạo cử nhân:**

080100 – Kinh tế

080500 – Quản trị kinh doanh

010700 – Vật lý

230100 – Tin học và kĩ thuật máy tính

190500 – Khai thác vận hành phương tiện giao thông

150100 – Luyện kim  
150400 – Máy công nghệ và thiết bị  
150600 – Vật liệu học và công nghệ vật liệu mới  
240100 – Công nghệ hóa học và sinh học  
260100 - Công nghệ thực phẩm  
150900 – Công nghệ, thiết bị và tự động hóa trong công nghiệp chế tạo máy  
220200 – Tự động hóa và điều khiển  
200500 – Đo lường , tiêu chuẩn hóa và kiểm định  
190100 – Các hệ thống giao thông đường bộ

## **II. Đào tạo kĩ sư chuyên gia :**

080102 – Kinh tế quốc tế  
080503 – Quản lý chống khủng hoảng  
010502 – Tin học ứng dụng ( trong lĩnh vực kinh tế )  
080507 – Quản lý doanh nghiệp  
070701 – Marketing  
080502 – Kinh tế và quản lý doanh nghiệp  
230101 – Máy vi tính, khu phức hợp, các hệ thống và mạng  
230102 – Các hệ thống tự động xử lý thông tin và điều khiển  
230104 – Các hệ thống thiết kế tự động hóa  
230105 – Phần mềm cho máy tính và các hệ thống tự động hóa  
190601 – Ô tô và sản xuất ô tô  
190701 – Tổ chức vận tải và quản lý giao thông  
190702 – Tổ chức và an toàn giao thông  
150104 – Công nghiệp đúc kim loại nặng và kim loại màu  
150105 – Kim loại học và nhiệt luyện kim loại  
150106 – Gia công kim loại bằng áp suất  
150202 – Thiết bị và công nghệ hàn  
150204 – Máy móc và công nghệ đúc  
150502 – Thiết kế và chế tạo sản phẩm từ vật liệu tổng hợp  
240401 – Công nghệ hóa hữu cơ

240403 – Công nghệ hóa học năng lượng tự nhiên và vật liệu cacbon  
240501 – Công nghệ hóa học hợp chất cao phân tử  
240502 – Công nghệ tinh chế chất dẻo và chất đàn hồi  
280201 – Bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên  
240801 – Máy móc và thiết bị công nghiệp hóa học  
260601 – Máy móc và thiết bị công nghiệp thực phẩm  
260603 – Công nghệ về sữa và các sản phẩm từ sữa  
260301 – Công nghệ về thịt và các sản phẩm từ thịt  
151001 – Công nghệ chế tạo máy  
151002 – Máy gia công kim loại và tổ hợp  
151003 – Hệ thống dụng cụ công nghiệp chế tạo máy  
220301 – Quá trình công nghệ tự động hóa và sản xuất (trong ngành chế tạo máy và hóa học)  
200503 – Tiêu chuẩn hóa và kiểm định  
140501 – Động cơ đốt trong  
190201 – Cấu tạo ô tô và máy móc

### **III. Đào tạo thạc sĩ:**

080100 – Kinh tế  
080500 – Quản lý  
010700 – Vật lý  
150100 – Luyện kim  
150400 – Máy công nghệ và thiết bị  
150600 – Vật liệu học và công nghệ vật liệu mới  
150900 – Công nghệ, thiết bị và tự động hóa trong công nghiệp chế tạo máy  
190100 – Các hệ thống giao thông đường bộ  
190500 – Khai thác vận hành phương tiện giao thông  
220200 – Tự động hóa và điều khiển  
230100 – Tin học và kĩ thuật máy tính  
240100 – Công nghệ hóa học và sinh học

### **IV. Đào tạo nghiên cứu sinh:**

01.02.04 – Cơ học vật rắn biến dạng

01.02.06 – Động lực học, độ bền máy móc, dụng cụ và thiết bị

01.04.03 – Vật lý vô tuyến điện

01.04.04 – Vật lý điện tử

02.00.01 – Hóa vô cơ

02.00.03 – Hóa hữu cơ

02.00.06 – Hợp chất cao phân tử

03.00.16 – Sinh thái học

05.02.01 – Vật liệu học (Công nghiệp)

05.02.02 – Cơ khí, các hệ thống truyền động và chi tiết máy

05.02.08 – Công nghệ chế tạo máy

05.02.18 – Lý thuyết cơ cấu máy móc

05.03.01 – Các công nghệ và thiết bị gia công cơ học vật lý kĩ thuật

05.03.06 – Các công nghệ và máy móc công nghiệp hàn

05.04.02 – Động cơ nhiệt

05.05.03 – Cơ cấu máy xích và bánh xe

05.09.05 – Lý thuyết kĩ thuật điện

05.11.16 – Các hệ thống thông tin-đo lường và kiểm soát (công nghiệp)

05.13.06 – Tự động hóa và điều khiển bằng các quá trình sản xuất công nghệ (công nghiệp)

05.13.12 – Các hệ thống thiết kế tự động hóa (trong công nghiệp)

05.13.13 – Các hệ thống vô tuyến viễn thông và mạng máy tính

05.13.18 – Mô hình hóa toán học, các phương pháp tính và tổng thể chương trình

05.16.01 – Kim loại học và nhiệt luyện kim loại

05.16.04 – Công nghiệp đúc

05.16.05 – Gia công kim loại bằng áp suất

05.17.04 – Công nghệ các chất hữu cơ

05.17.06 – Công nghệ chế tạo polime và composite

05.17.08 – Các quy trình và dụng cụ công nghệ hóa học

05.22.10 – Khai thác vận tải ô tô

08.00.01 – Kinh tế lý thuyết

08.00.05 – Kinh tế và quản lý nền kinh tế quốc dân trên các lĩnh vực và trong phạm vi hoạt động

08.00.13 – Các phương pháp toán học và dụng cụ của nền kinh tế

09.00.11 – Triết học xã hội

13.00.08 – Lý thuyết và hệ thống phương pháp dạy nghề

05.13.01 – Hệ thống phân tích, điều khiển và xử lý thông tin

Để nhận được giấy mời cần phải nộp những giấy tờ sau đây :

- Bản copy hộ chiếu chỉ rõ nơi sinh, nơi thường trú, nơi cấp visa (quốc gia, thành phố)
- Thời hạn hộ chiếu cần phải không dưới 1 năm
- Bản copy giấy tờ học tập

Để nhập học vào khoa đào tạo dự bị của trường БолгГТУ cần phải nộp các giấy tờ sau:

- Đơn xin nhập học có nói rõ diện đào tạo ( kĩ sư, kinh tế, xã hội và nhân văn )
- Hộ chiếu
- Bản gốc xét nghiệm y tế, cam đoan của cơ quan chính thức bảo vệ y tế quốc gia, trong đó có kết luận về việc người nhập học không có bệnh nan y nguy hiểm, giấy chứng nhận y tế bảo đảm không có virus gây bệnh nguy hiểm chết người và kí sinh trùng sốt rét
- Bản copy giấy khai sinh ( lựa tuổi thích hợp nhất – không quá 25 tuổi )
- 6 ảnh kích thước 4x6
- Bản gốc giấy tờ học tập và phụ lục đính kèm ( có chỉ rõ các khóa đã học và phạm vi của chúng, các đánh giá tổng kết, danh sách các thực hành, bài khóa luận và tốt nghiệp, các giấy tờ khác thể hiện quá trình học tập) đã được hợp pháp hóa theo quy định
- 2 bản copy có công chứng thị thực giấy tờ học tập và phụ lục đính kèm
- Đối với người đã học những trường ngoài công lập, cần phải có giấy tờ xác nhận của tổ chức quản lý giáo dục trung tâm của quốc gia về quy chế giáo dục của trường học và những giấy tờ đã cấp về giáo dục hoặc bản copy chứng thực thừa nhận trường học đó trong Bộ giáo dục và đào tạo của quốc gia cấp giấy tờ.
- Giấy chứng nhận kết thúc hoàn chỉnh giáo dục phổ thông của quốc gia bản thân người làm đơn, tương ứng với các giấy tờ giáo dục của Liên bang Nga tính cho đến lúc được nhận vào năm nhất đại học

Nếu nhập học vào các khoa chính của trường БолгГТУ, trừ khoa đào tạo dự bị, cần phải có chứng nhận kiểm tra quốc gia về trình độ tiếng nga mức 1, cũng như để vượt qua các cuộc kiểm tra đầu vào.

Chương trình đào tạo thạc sĩ chỉ dành cho những người có văn bằng giáo dục nghiệp vụ.



dự bị các chuyên gia

người nước ngoài

А.Е. Годенко

23-44-20

forstud@vstu.ru